TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THUẬN HÓA** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **155**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thuận Hóa, ngày 25 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THUẬN HÓA, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 197/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Phạm Tăng T**, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T1, xã P, huyện P1, thành phố Huế.

2. **Chị Nguyễn Thị Quỳnh N**, sinh năm 1998; địa chỉ: Kiệt F tổ dân phố D, phường T, quận T, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tăng T và chị Nguyễn Thị Quỳnh N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, thành phố Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2018 vào ngày 31/01/2018.

Sau khi kết hôn, anh T và chị N sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do do vợ chồng có quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn gây gỗ nhau nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2024. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể quay lại nên anh T và chị N thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị N không thể hàn gắn và anh chị đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh Phạm Tăng T và chị Nguyễn Thị Quỳnh N.

[2] Về con chung: Anh Phạm Tăng T và chị Nguyễn Thị Quỳnh N xác nhận có 01 con chung Phạm Nhã U, sinh ngày 07/02/2018.

Anh T, chị N thỏa thuận giao con chung cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên. Anh Phạm Tăng T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng mỗi tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh Phạm Tăng T và chị Nguyễn Thị Quỳnh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Phạm Tăng T và chị Nguyễn Thị Quỳnh N xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Tăng T và chị Nguyễn Thị Quỳnh N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T và chị N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25 số 0000801 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Huế. Anh T và chị N đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tăng T và chị Nguyễn Thị Quỳnh N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Tài, chị N thỏa thuận giao con chung Phạm Nhã U, sinh ngày 07/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Tăng T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng mỗi tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Tăng T và chị Nguyễn Thị Quỳnh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phạm Tăng T và chị Nguyễn Thị Quỳnh N đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Tăng T và chị Nguyễn Thị Quỳnh N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T và chị N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25 số 0000801 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Huế. Anh T và chị N đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thuận Hóa;
- TAND quận Thuận Hóa;
- Chi cục THADS quận Thuận Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình